TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2022/QĐST-DS	*Bình Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn*:

1.1. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1960

1.2. Ông Võ Văn T, sinh năm: 1958

Đại diện ủy quyền của ông Võ Văn T có bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1960. Cùng nơi cư trú: Khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền 31/8/2022)

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1961.

Nơi cư trú: Khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn*:

3.1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1956

Nơi cư trú: Tổ 51, Khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nay bà Nguyễn Thanh S đồng ý có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T số tiền còn nợ là: 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng). Ngoài ra bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T đồng ý cho bà Nguyễn Thanh S chia ra làm hai lần trả cho đến hết số tiền nêu trên như sau:

+ Lần thứ 1: Trả vào ngày 11/03/2023 số tiền là: 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng)

+ Lần thứ 2: Trả vào ngày 11/6/2023 số tiền là: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng)

- Về lãi suất: Bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thanh S tính phần tiền lãi suất. Nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T tự nguyện nộp: 875.000đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Phía bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T đã nộp hồ sơ đề nghị xin miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Do vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T là đúng theo quy định của pháp luật.

2.2. Bà Nguyễn Thanh S nộp: 875.000đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên bà Nguyễn Thanh S là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Phía bà Nguyễn

Thanh S đã nộp hồ sơ đề nghị xin miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Do vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thanh S là đúng theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày bà Nguyễn Kim H và ông Võ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thanh S chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương